



HỢP ĐỒNG MUA BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC BCONS

Và

“TÊN KHÁCH HÀNG”

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.... tháng....năm.....

Số: [.....]

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ⁽¹⁾
DỰ ÁN:.....**

Căn cứ²:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.
- Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;
- Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;
- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Căn cứ thông báo số/TB-SCT ngày ... tháng năm ... của Sở Công Thương về việc hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;
- Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của ..., v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án ..., phường ..., thành phố ..., tỉnh ...;
- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số, cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... của ...;
- Giấy phép xây dựng số ngày tháng ... năm ... của ...;
- Căn cứ các văn bản, hồ sơ pháp lý dự án và các văn bản khác có liên quan.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên;

¹ Đây là hợp đồng mua bán dành cho căn hộ hình thành trong tương lai.

² Tất cả văn bản pháp luật được nêu tại mục này được bao gồm văn bản hướng dẫn thi hành và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có), tại từng thời điểm.

Hai Bên dưới đây gồm:

BÊN BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ (Sau đây gọi tắt là "**Bên bán**")

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC BCONS

Giấy CNĐKDN : 0314704166 đăng ký lần đầu ngày 28/10/2017

Đại diện :..... Chức vụ:

Địa chỉ : 176/1-176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (028) 3512 9632

Tài khoản số :.....

Tại Ngân hàng :.....

Theo Giấy Ủy quyền số:ngày³

BÊN MUA CĂN HỘ CHUNG CƯ (Sau đây gọi tắt là "**Bên mua**")

Ông/bà :..... Giới tính:

Ngày sinh :

Số căn cước :..... Cấp ngày: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú :

Địa chỉ liên lạc: :

Điện thoại: :..... Email:

Mã số thuế: :

³ Trong trường hợp người Ký hợp đồng là người được ủy quyền bởi Người đại diện theo pháp luật.

Được gọi là “Bên” khi nói đến một Bên và được gọi là “các Bên” khi nói chung cả hai Bên. Hai bên đồng ý ký kết bản Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư này với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hợp đồng này các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Căn hộ**” là căn hộ có công năng sử dụng để ở và phần diện tích có công năng sử dụng khác (nếu có) trong nhà chung cư được bán kèm theo căn hộ tại hợp đồng này, bao gồm căn hộ được xây dựng theo cấu trúc kiểu khép kín theo thiết kế đã được phê duyệt thuộc nhà chung cư do Công ty Cổ phần Địa ốc Bcons đầu tư xây dựng với các đặc điểm được mô tả tại Khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng này và “Phần diện tích khác” trong nhà chung cư (nếu có) và trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với căn hộ và các phần diện tích khác mà Bên mua sẽ mua từ Bên bán theo thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng này, “phần diện tích khác” là các phần diện tích trong nhà chung cư không nằm trong diện tích sàn xây dựng căn hộ nhưng được bán cùng với căn hộ tại hợp đồng này.

2. “**Nhà chung cư**” là toàn bộ nhà chung cư có căn hộ mua bán do Công ty Cổ phần Địa ốc Bcons làm Chủ đầu tư, bao gồm các căn hộ, diện tích kinh doanh, thương mại và các công trình tiện ích chung của tòa nhà, kể cả phần khuôn viên ngoài tòa nhà (nếu có) được xây dựng tại ô quy hoạch số ...⁴thuộc dự án ..., phường/xã ..., quận/huyện/thị xã ..., tỉnh/thành phố

3. “**Hợp đồng**” là Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư này và toàn bộ các phụ lục tài liệu đính kèm cũng như mọi sửa đổi, bổ sung bằng văn bản đối với Hợp đồng này do các bên lập và ký kết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.

4. “**Giá bán căn hộ**” là tổng số tiền bán căn hộ được xác định tại Điều 3 của hợp đồng này.

5. “**Bảo hành nhà ở**” là việc Bên bán căn hộ chung cư thực hiện trách nhiệm bảo hành căn hộ chung cư theo quy định của Điều 20 Luật kinh doanh bất động sản⁵ để khắc phục, sửa chữa, thay thế các hạng mục được liệt kê cụ thể tại Điều 9 của hợp đồng này khi bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi vận hành sử dụng không bình thường mà không phải do lỗi của người sử dụng căn hộ gây ra trong khoảng thời gian theo quy định của Pháp luật nhà ở và theo thỏa thuận trong hợp đồng này.

6. “**Diện tích sàn xây dựng căn hộ**” hay “**Diện tích tim tường**” là diện tích sàn xây dựng của căn hộ bao gồm cả phần diện tích ban công/lô gia gắn liền căn hộ đó được tính từ tim tường bao, tường ngăn căn hộ, bao gồm cả diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật nằm bên trong căn hộ.

7. “**Diện tích sử dụng căn hộ**” hay “**Diện tích thông thủy**” là diện tích sử dụng căn hộ, phần diện tích khác trong nhà chung cư thuộc sở hữu riêng của chủ sở hữu nhà chung cư được tính theo kích thước thông thủy, bao gồm cả phần diện tích tường ngăn các phòng bên trong căn hộ, diện tích ban công, lô gia (nếu có) và không tính diện tích tường bao căn hộ, tường phân chia các căn hộ, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong căn hộ. Khi tính diện tích ban công thì tính toàn bộ diện tích sàn; trường hợp ban công có phần diện tích tường chung thì tính từ mép trong của tường chung. Đối với diện tích lô gia thì tính toàn bộ diện tích sàn từ mép trong của tường chung hoặc tường bao căn hộ. Trường hợp có trang thiết bị, cấu kiện gắn liền với ban công, lô gia nhưng thuộc mặt đứng của công trình theo hồ sơ thiết kế

⁴ Các bên sẽ thỏa thuận và quy định rõ tại thời điểm ký kết hợp đồng.

được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng thì trang thiết bị, cấu kiện đó được xác định thuộc phần sở hữu chung của nhà chung cư (*Chú thích: kích thước thông thủy là kích thước được đo đến mép trong của lớp hoàn thiện tường/vách/đổ kính/lan can sát mặt sàn (không bao gồm các chi tiết trang trí nội thất như ốp chân tường/gờ/phào....)*); diện tích sử dụng căn hộ được ghi vào Giấy chứng nhận cấp cho người mua căn hộ.

8. **“Phần sở hữu riêng của Bên mua”** là phần diện tích bên trong căn hộ, bên trong phần diện tích khác trong nhà chung cư (*nếu có*) và các trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với căn hộ, phần diện tích khác, các phần diện tích này được công nhận là sở hữu riêng của Bên mua theo quy định của Luật Nhà ở.

9. **“Phần sở hữu riêng của Bên bán”** là các phần diện tích bên trong và bên ngoài nhà chung cư và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật gắn liền với các phần diện tích đó nhưng Bên bán chưa bán, chưa cho thuê mua hoặc không bán, không cho thuê mua, mà giữ lại để sử dụng hoặc kinh doanh và Bên bán không phân bổ giá trị vốn đầu tư của phần diện tích thuộc sở hữu riêng này vào giá bán căn hộ; các phần diện tích này được công nhận là sở hữu riêng của Bên bán theo quy định của pháp luật về nhà ở.

10. **“Phần sở hữu chung trong nhà chung cư”** là phần diện tích còn lại của nhà chung cư ngoài phần diện tích thuộc sở hữu riêng của các chủ sở hữu nhà chung cư và các thiết bị sử dụng chung cho nhà chung cư đó theo quy định của pháp luật về nhà ở; bao gồm các phần diện tích, các hệ thống thiết bị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng được quy định tại Điều 142 của Luật Nhà ở và các phần diện tích khác được các bên thỏa thuận cụ thể tại Điều 11 của Hợp đồng này.

11. **“Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư”** hoặc **“Phí bảo trì”** là khoản tiền 2% (*hai phần trăm*) trên Giá bán căn hộ không bao gồm thuế GTGT mà các bên có nghĩa vụ phải đóng góp đối với phần sở hữu riêng của mình để phục vụ cho việc bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư.

12. **“Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư”** là các dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư, bao gồm việc quản lý, vận hành nhằm đảm bảo cho nhà chung cư hoạt động bình thường.

13. **“Bảo trì nhà chung cư”** là việc duy tu, bảo dưỡng nhà ở theo định kỳ và sửa chữa khi có hư hỏng nhằm duy trì chất lượng nhà chung cư; hoạt động bảo trì nhà chung cư bao gồm việc kiểm tra, sửa chữa nhỏ, sửa chữa định kỳ và sửa chữa lớn phần xây dựng nhà chung cư; kiểm tra, duy trì hệ thống an toàn phòng cháy, chữa cháy; thay thế các linh kiện hoặc các thiết bị sử dụng chung của tòa nhà, cụm nhà chung cư.

14. **“Bản nội quy nhà chung cư”** là bản dự thảo nội quy quản lý, sử dụng nhà chung cư và tất cả các sửa đổi, bổ sung sẽ được hội nghị nhà chung cư thông qua trong quá trình quản lý, sử dụng nhà ở.

15. **“Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư”** là tổ chức hoặc doanh nghiệp có chức năng, năng lực thực hiện việc quản lý, vận hành nhà chung cư sau khi nhà chung cư được xây dựng xong và đưa vào sử dụng.

16. **“Giấy chứng nhận”** (*viết tắt là GCNQSDĐ, QSH TSGLVD*) là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc giấy chứng nhận khác về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai trong đó có ghi nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên mua căn hộ theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 2. ĐẶC ĐIỂM CỦA CĂN HỘ MUA BÁN

Bên bán đồng ý bán và Bên mua đồng ý mua căn hộ chung cư với đặc điểm như sau:

1. Đặc điểm của căn hộ mua bán:

a. Căn hộ số: ...⁶ (Block: ... Tầng: ..., Vị trí ...) thuộc Dự án ...,⁶ khu phố ..., phường ..., thành phố ..., tỉnh ...⁶.

b. Diện tích sử dụng căn hộ là: ...⁶ m² (Bằng chữ: ...). Diện tích này được tính theo kích thước thông thủy (gọi chung là diện tích thông thủy) theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của hợp đồng này và là căn cứ để tính tiền mua bán căn hộ quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

Hai bên nhất trí rằng, diện tích sử dụng ghi tại điểm này chỉ là tạm tính và có thể tăng lên hoặc giảm đi theo thực tế đo đạc tại thời điểm bàn giao căn hộ. Trong trường hợp diện tích sử dụng thực tế chênh lệch cao hơn hoặc thấp hơn nhưng không quá ...⁶% (... phần trăm) so với diện tích ghi trong Hợp đồng này thì hai bên không phải điều chỉnh lại giá bán căn hộ. Nếu diện tích sử dụng thực tế chênh lệch vượt quá từ ...⁶% (... phần trăm) đến ...⁶% (... phần trăm) so với diện tích ghi trong Hợp đồng này thì giá bán căn hộ sẽ được điều chỉnh lại theo diện tích đo đạc thực tế khi bàn giao căn hộ;

Nếu diện tích sử dụng thực tế chênh lệch vượt quá ...⁶% (... phần trăm) so với diện tích ghi trong Hợp đồng này thì hai bên có thể điều chỉnh giá bán căn hộ lại theo diện tích đo đạc thực tế khi bàn giao căn hộ hoặc Bên mua có quyền từ chối nhận bàn giao căn hộ theo điểm f Khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng này;

Trong biên bản bàn giao căn hộ hoặc trong Phụ lục của Hợp đồng, hai bên nhất trí sẽ ghi rõ diện tích sử dụng thực tế khi bàn giao căn hộ, diện tích sử dụng chênh lệch so với diện tích ghi trong Hợp đồng mua bán đã ký (nếu có). Phụ lục của Hợp đồng mua bán căn hộ là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Diện tích căn hộ được ghi vào Giấy chứng nhận cấp cho Bên mua được xác định theo diện tích sử dụng thực tế khi bàn giao căn hộ.

c. Diện tích sàn xây dựng là: ...⁷ m² (Bằng chữ: ...). Diện tích này được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Hợp đồng này.

d. Mục đích sử dụng căn hộ: Dùng để ở.

e. Năm hoàn thành xây dựng: ...⁷.

f. Phần diện tích khác được mua bán với căn hộ (như chỗ để xe, diện tích sân thương mại, dịch vụ, ...): ...⁷. Căn hộ có các đặc điểm kỹ thuật và vật liệu được mô tả trong Phụ Lục 2, kèm theo Hợp đồng này.

g. Các nội dung thỏa thuận khác (nếu có): ...

2. Đặc điểm về đất xây dựng nhà chung cư có căn hộ nêu tại khoản 1 Điều này:

a. Thửa đất số: ...⁷

b. Tờ bản đồ số: ...⁷

c. Diện tích đất sử dụng chung: ...⁷

d. Các nội dung thỏa thuận khác (nếu có): ...⁷

3. Hồ sơ pháp lý của dự án: Bên bán cung cấp cho Bên mua các thông tin, bản sao các giấy tờ sau đây:

a. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số ...⁷, cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... của UBND tỉnh

b. Quyết định số ...⁷ ngày ... tháng ... năm ... của ..., v/v phê duyệt đồ án Quy

⁶ Các bên sẽ thỏa thuận và quy định rõ tại thời điểm ký kết hợp đồng.

⁷ Các bên sẽ thỏa thuận và quy định rõ tại thời điểm ký kết hợp đồng

hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án ..., phường ..., thành phố ..., tỉnh

c. Giấy phép xây dựng số ... ngày ... tháng ... năm ... của Sở xây dựng tỉnh

4. Thực trạng các công trình hạ tầng, dịch vụ liên quan đến căn hộ: Bên mua được quyền sở hữu riêng đối với diện tích căn hộ đã mua và các trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với căn hộ này được quy định tại Phụ Lục 2 của Hợp đồng này, được sử dụng đối với phần diện tích, thiết bị thuộc sở hữu chung trong Nhà chung cư, cụ thể như sau:

a. Diện tích bố trí chỗ để xe cư dân: ... m² sàn XD.

b. Phòng sinh hoạt cộng đồng: ... m² sàn sử dụng.

c. Đất cây xanh, công viên, mặt nước: ... m².

d. Đường giao thông, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật: ... m².

5. Đối với hợp đồng mua bán căn hộ hình thành trong tương lai thì phải thỏa thuận ghi rõ các nội dung: Căn hộ đã đủ điều kiện được bán và được bảo lãnh nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư theo các văn bản sau:

a. Văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán của Sở xây dựng tỉnh ... số ...⁸ ngày tháng năm

b. Căn hộ đã được Ngân hàng ...⁸ đồng ý cấp bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho người mua căn hộ theo Thông báo đồng ý cấp tín dụng số ...⁸ ngày ... tháng ... năm ... giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Địa ốc Bcons.

6. Các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà, công trình xây dựng: Các diện tích và trang thiết bị kỹ thuật thuộc quyền sở hữu riêng của Bên bán bao gồm:

a. Gồm các căn hộ chưa bán, căn hộ shophouse chưa bán.

b. Các diện tích và trang thiết bị kỹ thuật khác.

c. Nhà trẻ: ...⁸ m² sàn sử dụng.

d. Diện tích bố trí chỗ để xe trung tâm thương mại: ...⁸ m².

e. Khu chức năng thương mại: ...⁸ m².

f. Hồ bơi: ...⁸ m².

g. Khu căn hộ dịch vụ: ...⁸ m².

h. Các diện tích khác không liệt kê tại khoản 4 điều 2 của Hợp đồng mua bán.

Điều 3. GIÁ BÁN CĂN HỘ, KINH PHÍ BẢO TRÌ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

1. Giá bán căn hộ:

a. Đơn giá thông thủy/m² (chưa bao gồm thuế GTGT):⁸ đồng

(đã bao gồm tiền sử dụng đất và phí bảo lãnh ngân hàng)

b. Tổng giá trị Hợp đồng (bao gồm thuế GTGT):⁸ đồng (1)+(3)

(Bằng chữ:)

↳ Bao gồm:

- Giá trị căn hộ (chưa bao gồm thuế GTGT):⁸ đồng (1)

- Giá đất được trừ không chịu thuế GTGT [.....⁸ x⁸ m²] = ...⁸ đồng (2)

- Thuế GTGT [(1) - (2)] x 10% = ...⁸ đồng (3)

↳ Chưa bao gồm:

Phí bảo trì 2% của (1):⁸ đồng

Tổng giá trị Hợp đồng phải thanh toán tại Điểm b Khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, bao gồm phí bảo lãnh Ngân hàng và chưa bao gồm phí bảo trì. Đơn giá này sẽ không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.

c. Giá trị hợp đồng này kèm theo bảng danh mục vật liệu xây dựng và trang thiết

⁸ Các bên sẽ thỏa thuận và quy định rõ tại thời điểm ký kết hợp đồng

bị quy định tại Phụ lục 2.

d. Giá bán căn hộ quy định tại Điều này không bao gồm các khoản sau:

- Phí bảo trì 2% (hai phần trăm) được Bên mua thanh toán cho Bên bán tại thời điểm Bên bán gửi thông báo thanh toán để Bên mua đủ điều kiện nhận bàn giao căn hộ;

- Các khoản lệ phí trước bạ, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận cho Bên mua. Các khoản lệ phí trước bạ, phí và lệ phí này do Bên mua chịu trách nhiệm thanh toán;

- Chi phí kết nối, lắp đặt các thiết bị và sử dụng các dịch vụ cho Căn Hộ, bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ bưu chính, viễn thông, truyền hình và các dịch vụ khác mà Bên mua sử dụng cho riêng căn hộ. Các chi phí này Bên mua thanh toán trực tiếp cho đơn vị cung ứng dịch vụ;

- Kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư hàng tháng. Kể từ ngày bàn giao căn hộ cho Bên mua theo thỏa thuận tại Điều 8 của hợp đồng này, Bên mua có trách nhiệm thanh toán kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư theo thỏa thuận tại hợp đồng này;

- Phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các chi phí bảo hiểm bắt buộc hàng năm khác theo quy định của pháp luật;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm (nếu có) theo thông báo của cơ quan thuế.

e. Hai bên thống nhất kể từ ngày bàn giao căn hộ và trong suốt thời hạn sở hữu, sử dụng căn hộ đã mua thì Bên mua phải nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành, thanh toán kinh phí quản lý, vận hành nhà chung cư hàng tháng và các loại phí dịch vụ khác do việc sử dụng các tiện ích như: khí đốt, điện, nước, điện thoại, truyền hình cáp, ... cho nhà cung cấp dịch vụ.

2. Hình thức thanh toán:

a. Việc thanh toán toàn bộ số tiền còn lại của Hợp đồng sau khi đã trừ phần thanh toán trước được thực hiện bằng đồng Việt Nam và được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên bán nêu tại Hợp đồng này;

b. Toàn bộ các phí, lệ phí chuyển khoản (nếu có) của Ngân hàng phát sinh cho việc thanh toán theo Hợp đồng này do Bên mua chịu, đảm bảo việc Bên bán nhận đủ số tiền theo giá của căn hộ được quy định;

c. Thời điểm xác định Bên mua đã thanh toán tiền là thời điểm Bên bán xuất phiếu thu về khoản tiền đã nhận thanh toán của Bên mua hoặc số tiền chuyển khoản đã ghi có vào tài khoản của Bên bán.

3. Thời hạn thanh toán:

a. Việc thanh toán của Bên mua được thực hiện theo bảng tiến độ thanh toán – Phụ Lục 1 đính kèm theo Hợp đồng này.

b. Trong mỗi đợt thanh toán theo thỏa thuận này, đã bao gồm thuế GTGT tương ứng với tỉ lệ mỗi đợt thanh toán. Đồng thời, Bên bán xuất hóa đơn GTGT cho Bên mua.

c. Trước mỗi đợt thanh toán theo thỏa thuận tại khoản này, Bên bán có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (thông qua một trong những hình thức Fax, chuyển bưu điện, ...) cho Bên mua biết rõ số tiền phải thanh toán và thời hạn thanh toán kể từ ngày nhận được thông báo này.

d. Thời hạn thanh toán Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung 2% (hai phần trăm) được Bên mua thanh toán cho Bên bán tại thời điểm Bên bán gửi thông báo thanh toán để bên mua đủ điều kiện nhận bàn giao căn hộ. Việc bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư được các bên thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Điều 4. CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH CĂN HỘ

1. Bên bán cam kết bảo đảm chất lượng công trình nhà chung cư, trong đó có căn hộ nêu tại Điều 2 Hợp đồng này theo đúng thiết kế đã được phê duyệt và sử dụng đúng (hoặc tương đương) các vật liệu xây dựng căn hộ mà hai bên đã cam kết trong hợp đồng này.

2. Tiến độ xây dựng: Hai bên thống nhất Bên bán có trách nhiệm thực hiện việc xây dựng nhà ở theo đúng tiến độ thỏa thuận.

3. Bên bán phải thực hiện xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ nhu cầu ở tại khu nhà chung cư của Bên mua theo đúng quy hoạch, thiết kế, nội dung, tiến độ dự án đã được phê duyệt và bảo đảm chất lượng theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng do Nhà nước quy định.

4. Bên bán phải hoàn thành việc xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ nhu cầu ở thiết yếu của Bên mua tại khu nhà chung cư theo nội dung dự án và tiến độ đã được phê duyệt trước ngày bàn giao căn hộ cho Bên mua, bao gồm: hệ thống đường giao thông; hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện sinh hoạt; hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, nước thải; hệ thống cung cấp chất đốt; hệ thống thông tin liên lạc (nếu có); hệ thống công trình hạ tầng xã hội.

Điều 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

1. Quyền của Bên bán:

a. Yêu cầu Bên mua trả tiền mua căn hộ theo đúng thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng và được tính lãi suất trong trường hợp Bên mua chậm thanh toán theo tiến độ thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng này. Việc tính lãi suất chậm thanh toán được quy định cụ thể tại Điều 12 của Hợp đồng này;

b. Yêu cầu Bên mua nhận bàn giao căn hộ theo đúng thời hạn thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này; Nếu thời hạn giao nhận nhà có thay đổi thì Bên bán sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên mua;

c. Thời điểm xác lập quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng đối với bên mua là kể từ thời điểm bên mua đã thanh toán đủ tiền mua và đã nhận bàn giao nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

d. Có quyền ngừng hoặc yêu cầu nhà cung cấp ngừng cung cấp điện, nước và các dịch vụ tiện ích khác nếu Bên mua (hoặc bên thuê lại nhà của Bên mua hoặc bên nhận chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ từ Bên mua) vi phạm Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành và Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư sẽ được Bên bán cung cấp vào thời điểm bàn giao căn hộ;

e. Được quyền thay đổi trang thiết bị, vật liệu xây dựng công trình nhà chung cư có giá trị chất lượng tương đương theo quy định của Pháp luật về xây dựng; trường hợp thay đổi trang thiết bị, vật liệu hoàn thiện bên trong căn hộ thì phải có sự thỏa thuận bằng văn bản với Bên mua;

f. Thực hiện các quyền và trách nhiệm của Ban quản trị nhà chung cư trong thời gian chưa thành lập Ban quản trị nhà chung cư; ban hành Bản nội quy nhà chung cư; thành lập Ban quản trị nhà chung cư; lựa chọn và ký Hợp đồng với doanh nghiệp quản lý, vận hành nhà chung cư để quản lý vận hành nhà chung cư kể từ khi đưa nhà chung cư vào sử dụng cho đến khi Ban quản trị nhà chung cư được thành lập;

g. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng mua bán căn hộ theo thỏa thuận tại Điều 15 của Hợp đồng này;

h. Yêu cầu Bên mua nộp phạt vi phạm Hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại khi vi phạm các thỏa thuận thuộc diện phải nộp phạt hoặc phải bồi thường trong Hợp đồng này

hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

i. Được quyền yêu cầu Bên mua cung cấp đầy đủ các giấy tờ, nộp phí và lệ phí để làm thủ tục cấp Giấy Chứng Nhận cho Bên mua theo quy định của Pháp luật;

j. Được toàn quyền sở hữu, quản lý, khai thác, kinh doanh, sử dụng và các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật đối với phần sở hữu riêng của Bên bán;

k. Được toàn quyền sở hữu đối với căn hộ và có các quyền hợp pháp khác đối với Căn hộ cho đến thời điểm hoàn thành việc bàn giao căn hộ cho Bên mua;

l. Được thực hiện các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên bán:

a. Cung cấp cho Bên mua các thông tin chính xác về quy hoạch chi tiết, thiết kế nhà chung cư và thiết kế căn hộ đã được phê duyệt. Cung cấp cho Bên mua kèm theo Hợp đồng này 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng căn hộ bán, 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng tầng nhà có căn hộ bán, 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng tòa nhà chung cư có căn hộ bán đã được phê duyệt và các giấy tờ pháp lý có liên quan đến việc mua bán căn hộ;

b. Xây dựng nhà ở và các công trình hạ tầng theo đúng quy hoạch, nội dung hồ sơ dự án và tiến độ đã được phê duyệt, đảm bảo khi bàn giao thì Bên mua có thể sử dụng và sinh hoạt bình thường;

c. Đảm bảo chất lượng xây dựng, kiến trúc kỹ thuật và mỹ thuật nhà chung cư theo đúng tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

d. Bảo quản căn hộ trong thời gian chưa giao nhà ở cho Bên mua; thực hiện bảo hành căn hộ và nhà chung cư theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này;

e. Bàn giao căn hộ và các giấy tờ pháp lý có liên quan đến căn hộ mua bán cho Bên mua khi Bên mua đã hoàn tất mọi nghĩa vụ tài chính;

f. Hướng dẫn và hỗ trợ Bên mua ký kết Hợp đồng sử dụng dịch vụ với nhà cung cấp điện nước, viễn thông, truyền hình cáp, ...;

g. Nộp tiền sử dụng đất và các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến việc bán căn hộ theo quy định của Pháp luật;

h. Làm thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho Bên mua. Trong trường hợp này, Bên bán sẽ có văn bản thông báo cho Bên mua về việc nộp các giấy tờ liên quan để Bên bán làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

Trong thời hạn...⁹ ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bán mà Bên mua không nộp đầy đủ các giấy tờ theo thông báo thì coi như Bên mua tự nguyện đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận. Khi Bên mua tự nguyện làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì Bên bán phải hỗ trợ cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý về căn hộ mua bán cho Bên mua;

i. Tổ chức Hội nghị nhà chung cư lần đầu để thành lập Ban quản trị nhà chung cư nơi có căn hộ bán; thực hiện các nhiệm vụ của Ban quản trị nhà chung cư khi nhà chung cư chưa thành lập được Ban quản trị;

j. Hỗ trợ Bên mua làm các thủ tục thế chấp căn hộ đã mua tại tổ chức tín dụng khi có yêu cầu của Bên mua;

k. Nộp phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại cho Bên mua khi vi phạm các thỏa thuận thuộc diện phải nộp phạt hoặc bồi thường trong Hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

l. Nộp kinh phí bảo trì 2% theo quy định của Pháp luật đối với phần diện tích thuộc sở hữu riêng của Bên bán vào tài khoản mở tại ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về nhà ở để Ban Quản trị nhà chung cư tiếp nhận, quản lý sau khi

⁹ Các bên sẽ thỏa thuận và ghi rõ tại thời điểm ký hợp đồng.

Ban Quản trị nhà chung cư được thành lập theo đúng thỏa thuận tại điểm d khoản 3 Điều 3 của hợp đồng này và quy định Pháp luật;

m. Công khai hợp đồng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản. Trường hợp Bên bán và Bên mua thỏa thuận các nội dung để quy định trong hợp đồng mà các nội dung này không có trong hợp đồng mẫu theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và các nội dung này thuộc trường hợp phải thực hiện đăng ký, công khai theo các pháp luật khác thì các bên phải lập thành phụ lục của hợp đồng để quy định riêng về các nội dung này; bên bán sử dụng phụ lục hợp đồng này để thực hiện đăng ký, công khai theo quy định của pháp luật liên quan.

n. Bên Bán có nghĩa vụ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của Bên Mua theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Bên Bán chỉ được sử dụng thông tin của Bên Mua để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của hai bên. Việc thu thập, sử dụng thông tin của Bên Mua (bao gồm cả chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin của Bên Mua cho bên thứ ba) trong các trường hợp khác phải được Bên Mua đồng ý theo các quy định cụ thể tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng¹⁰.

Điều 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

1. Quyền của Bên mua:

a. Nhận bàn giao căn hộ quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này có chất lượng với các thiết bị, vật liệu nêu tại bảng danh mục vật liệu xây dựng mà các bên đã thỏa thuận kèm theo Hợp đồng này và hồ sơ căn hộ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này;

b. Yêu cầu Bên bán làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Pháp luật (*trừ trường hợp Bên mua tự nguyện thực hiện thủ tục này theo thỏa thuận tại Điểm h Khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng này*);

c. Được toàn quyền sở hữu, sử dụng và thực hiện các giao dịch đối với căn hộ đã mua theo quy định của Pháp luật, đồng thời được sử dụng các dịch vụ hạ tầng do doanh nghiệp dịch vụ cung cấp trực tiếp hoặc thông qua Bên bán sau khi nhận bàn giao căn hộ theo quy định về sử dụng các dịch vụ hạ tầng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ;

d. Nhận Giấy chứng nhận sau khi đã thanh toán đủ 100% (*một trăm phần trăm*) tiền mua căn hộ và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến căn hộ mua bán theo thỏa thuận trong Hợp đồng này và theo quy định của Pháp luật;

e. Yêu cầu Bên bán hoàn thành việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo đúng nội dung, tiến độ dự án đã được phê duyệt;

f. Có quyền từ chối nhận bàn giao căn hộ nếu Bên bán không hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng phục vụ nhu cầu ở thiết yếu, bình thường của Bên mua theo đúng thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này hoặc trong trường hợp diện tích sử dụng căn hộ thực tế nhỏ hơn/lớn hơn ...¹⁰ % (*... phần trăm*) so với diện tích sử dụng căn hộ ghi trong Hợp đồng này. Việc từ chối nhận bàn giao căn hộ trong trường hợp này không bị coi là vi phạm các điều kiện bán giao căn hộ của Bên mua đối với Bên bán;

g. Yêu cầu Bên bán tổ chức Hội nghị nhà chung cư lần đầu để thành lập Ban quản trị nhà chung cư nơi có căn hộ mua bán khi có đủ điều kiện thành lập Ban quản trị nhà chung cư theo quy định của Pháp luật;

h. Yêu cầu Bên bán hỗ trợ thủ tục thế chấp căn hộ đã mua tại tổ chức tín dụng trong trường hợp Bên mua có nhu cầu thế chấp căn hộ tại tổ chức tín dụng;

i. Yêu cầu Bên bán nộp kinh phí bảo trì nhà chung cư theo đúng thỏa thuận tại

¹⁰ Các bên sẽ thỏa thuận và quy định rõ tại thời điểm ký kết hợp đồng.

điểm d khoản 3 Điều 3 của hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của Bên mua:

a. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua căn hộ và kinh phí bảo trì phần sở hữu chung 2% (*hai phần trăm*) và các khoản phí phải trả khác (*nếu có*) theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng này không phụ thuộc vào việc có hay không có thông báo thanh toán tiền mua căn hộ của Bên bán;

b. Nhận bàn giao căn hộ theo thỏa thuận trong Hợp đồng này;

c. Kể từ ngày bàn giao căn hộ, Bên mua hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với căn hộ đã mua (*trừ các trường hợp thuộc trách nhiệm bảo đảm tính pháp lý và việc bảo hành căn hộ của Bên bán*) và tự chịu trách nhiệm về việc mua, duy trì các Hợp đồng bảo hiểm cần thiết đối với mọi rủi ro, thiệt hại liên quan đến căn hộ và bảo hiểm trách nhiệm dân sự phù hợp với quy định của Pháp luật;

d. Kể từ ngày bàn giao căn hộ, kể cả trường hợp Bên mua chưa vào sử dụng căn hộ thì căn hộ sẽ được quản lý và bảo trì theo nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư và Bên mua phải tuân thủ các quy định được nêu trong Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư;

e. Thanh toán các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định của Pháp luật mà Bên mua phải nộp như thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng này;

f. Thanh toán các khoản chi phí dịch vụ như: điện, nước, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, thông tin liên lạc... và các khoản thuế, phí khác phát sinh theo quy định do nhu cầu sử dụng của Bên mua theo quy định;

g. Thanh toán phí quản lý vận hành nhà chung cư và các chi phí khác theo thỏa thuận quy định tại khoản 5 Điều 11 của Hợp đồng này, kể cả trường hợp Bên mua không sử dụng căn hộ đã mua;

h. Chấp hành các quy định của Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư theo quy định của pháp luật và Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư đính kèm theo Hợp đồng này;

i. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp quản lý vận hành trong việc bảo trì, quản lý vận hành nhà chung cư;

j. Sử dụng căn hộ đúng mục đích để ở theo quy định của Luật Nhà ở và theo thỏa thuận trong Hợp đồng này;

k. Nộp phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại cho Bên bán khi vi phạm các thỏa thuận thuộc diện phải nộp phạt hoặc bồi thường theo quy định trong Hợp đồng này hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

l. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư;

m. Thanh toán đầy đủ tiền mua căn hộ theo thỏa thuận ghi trong Hợp đồng và đúng thời hạn theo thông báo của Bên bán;

n. Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc nhận bàn giao căn hộ theo đúng quy định của Hợp đồng;

o. Trước khi căn hộ được bàn giao cho Bên mua, Bên mua sẽ không có quyền ra vào hoặc cư trú hoặc sử dụng căn hộ nếu không được Bên bán đồng ý trước bằng văn bản;

p. Tôn trọng và không thực hiện bất kỳ hành vi nào gây ảnh hưởng đến các quyền sở hữu và hoạt động kinh doanh của Bên bán trong phần sở hữu riêng của Bên bán;

q. Chịu trách nhiệm bảo quản, sử dụng và bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật trong trường hợp làm hỏng hóc, thiệt hại đối với phần diện tích và thiết bị thuộc sở hữu chung.

Điều 7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ LIÊN QUAN

1. Bên mua phải thanh toán lệ phí trước bạ và các loại thuế, phí, lệ phí có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Pháp luật khi Bên bán làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Bên mua và trong quá trình sở hữu, sử dụng căn hộ kể từ thời điểm nhận bàn giao căn hộ.

2. Bên mua có trách nhiệm nộp thuế và các loại phí, lệ phí, chi phí (nếu có) theo quy định cho Nhà nước khi thực hiện bán căn hộ đã mua cho người khác.

3. Bên bán có trách nhiệm nộp các nghĩa vụ tài chính thuộc trách nhiệm của Bên bán cho Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Điều 8. GIAO NHẬN CĂN HỘ

1. Điều kiện bàn giao căn hộ: Sau khi Bên mua đã hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán được quy định chi tiết tại Điều 3 của Hợp đồng.

2. Bên bán dự kiến bàn giao căn hộ cho Bên mua vào ngày.....tháng năm....

3. Việc bàn giao căn hộ có thể sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian quy định tại khoản 2 Điều 8, nhưng không được chậm quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ thời điểm đến hạn bàn giao căn hộ cho Bên mua; Bên bán phải có văn bản thông báo cho Bên mua biết lý do chậm bàn giao căn hộ.

4. Trước ngày bàn giao căn hộ là 15 (mười lăm) ngày, Bên bán phải gửi văn bản thông báo cho Bên mua về thời gian, địa điểm và thủ tục bàn giao căn hộ. -

5. Căn hộ được bàn giao cho Bên mua phải theo đúng thiết kế đã được duyệt; sử dụng đúng các thiết bị, vật liệu nêu tại bảng danh mục vật liệu, thiết bị xây dựng mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng, trừ trường hợp thỏa thuận tại Điểm e Khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng này.

6. Vào ngày bàn giao căn hộ theo thông báo, Bên mua hoặc người được ủy quyền hợp pháp phải đến kiểm tra tình trạng thực tế căn hộ so với thỏa thuận trong Hợp đồng này, cùng với đại diện của Bên bán đo đạc lại diện tích sử dụng thực tế căn hộ và ký vào biên bản bàn giao căn hộ.

7. Trường hợp Bên mua hoặc người được Bên mua ủy quyền hợp pháp không đến nhận bàn giao căn hộ theo Thông báo của Bên bán trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày hoặc đến kiểm tra nhưng không nhận bàn giao căn hộ mà không có lý do chính đáng (trừ trường hợp thuộc diện thỏa thuận tại Điểm f Khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng này) thì kể từ ngày đến hạn bàn giao căn hộ theo thông báo của Bên bán được xem như Bên mua đã đồng ý, chính thức nhận bàn giao căn hộ theo thực tế và Bên bán đã thực hiện xong trách nhiệm bàn giao căn hộ theo Hợp đồng. Bên mua không được quyền nêu bất cứ lý do không hợp lý nào để không nhận bàn giao căn hộ; việc từ chối nhận bàn giao căn hộ như vậy sẽ được coi là Bên mua vi phạm Hợp đồng và sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 12 của Hợp đồng này.

8. Kể từ thời điểm hai Bên ký biên bản bàn giao căn hộ, Bên mua được toàn quyền sử dụng căn hộ và chịu mọi trách nhiệm có liên quan đến căn hộ mua bán, kể cả trường hợp Bên mua có sử dụng hay chưa sử dụng căn hộ này.

Điều 9. BẢO HÀNH CĂN HỘ

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành căn hộ đã bán theo đúng quy định thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật khác có liên quan và các quy định sửa đổi, bổ sung của Nhà nước vào từng thời điểm.

2. Khi bàn giao căn hộ cho Bên mua, thì Bên bán phải thông báo và cung cấp cho Bên mua 01 (một) bản sao biên bản nghiệm thu đưa công trình nhà chung cư vào sử dụng theo quy định của Pháp luật xây dựng để các bên xác định thời điểm bảo hành căn hộ.

3. Nội dung bảo hành nhà ở bao gồm sửa chữa, khắc phục các hư hỏng khung, cột, dầm, sàn, tường, trần, mái, sân thượng, cầu thang bộ, các phần ốp, lát, trát, hệ thống cung cấp chất đốt, hệ thống cấp điện sinh hoạt, cấp điện chiếu sáng, bể nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt, bể phốt và hệ thống thoát nước thải, chất thải sinh hoạt, khắc phục các trường hợp nghiêng, lún, nứt, sụt nhà ở và các nội dung khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nhà ở. Đối với các trang thiết bị khác gắn với nhà ở thì bên bán nhà ở thực hiện bảo hành sửa chữa, thay thế theo thời hạn quy định của nhà sản xuất và bảo hành 02 (hai) năm với các hạng mục: Cửa, sàn gỗ, tủ bếp, sơn, chống thấm. Bên bán có trách nhiệm thực hiện bảo hành căn hộ bằng cách thay thế hoặc sửa chữa các điểm bị khuyết tật hoặc thay thế các đồ vật cùng loại có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn. Việc bảo hành bằng cách thay thế hoặc sửa chữa chỉ do Bên bán hoặc Bên được Bên bán ủy quyền thực hiện.

4. Bên mua phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên bán khi căn hộ có các hư hỏng thuộc diện được bảo hành. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua, Bên bán có trách nhiệm thực hiện bảo hành các hư hỏng theo đúng thỏa thuận và theo quy định của Pháp luật; Bên mua phải tạo điều kiện để Bên bán thực hiện bảo hành căn hộ. Nếu Bên bán chậm thực hiện việc bảo hành mà gây thiệt hại cho Bên mua thì phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mua theo thiệt hại thực tế xảy ra.

5. Căn hộ được bảo hành kể từ khi hoàn thành việc xây dựng và nghiệm thu đưa vào sử dụng với thời hạn theo quy định của Pháp luật về xây dựng. Thời gian bảo hành nhà ở được tính từ ngày Bên bán ký biên bản nghiệm thu đưa nhà ở vào sử dụng. Thời gian bảo hành kết cấu chính của nhà chung cư (*dầm, cột, trần sàn, mái, tường, các phần ốp, lát, trát chung*) là 60 (sáu mươi) tháng.

6. Bên bán không thực hiện bảo hành căn hộ trong các trường hợp sau đây:

- a. Trường hợp hao mòn và khấu hao thông thường;
- b. Trường hợp hư hỏng do lỗi của Bên mua hoặc của bất kỳ người sử dụng hoặc của bên thứ ba nào khác gây ra;
- c. Trường hợp hư hỏng do sự kiện bất khả kháng;
- d. Trường hợp đã hết thời hạn bảo hành theo thỏa thuận tại Khoản 5 Điều này;
- e. Các trường hợp không thuộc nội dung bảo hành theo thỏa thuận tại Khoản 3 Điều này, bao gồm cả những thiết bị, bộ phận gắn liền căn hộ do Bên mua tự lắp đặt hoặc tự sửa chữa mà không được sự đồng ý của Bên bán, do Bên mua không bảo trì thường xuyên căn hộ và Ban quản trị không có kế hoạch, bảo trì các phần sở hữu chung dẫn đến hư hại.

7. Sau thời hạn bảo hành theo thỏa thuận tại Khoản 5 Điều này, việc sửa chữa các hư hỏng của căn hộ thuộc trách nhiệm của Bên mua. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì để báo cáo hội nghị nhà chung cư lần đầu thông qua; đối với hội nghị nhà chung cư các lần kế tiếp thì Ban quản trị nhà chung cư có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý vận hành hoặc đơn vị có năng lực bảo trì lập kế hoạch bảo trì để báo cáo hội nghị nhà chung cư thông qua. Ban quản trị nhà chung cư có trách nhiệm lựa chọn và ký kết hợp đồng bảo trì với các đơn vị bảo trì.

Điều 10. CHUYỂN GIAO QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

1. Trường hợp Bên mua có nhu cầu thế chấp căn hộ đã mua cho tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam trước khi Bên mua được cấp Giấy chứng nhận thì Bên mua phải thông báo trước bằng văn bản để Bên bán cùng Bên mua làm các thủ tục cần thiết theo quy định của tổ chức tín dụng, quy định pháp luật.

2. Trong trường hợp Bên mua chưa nhận bàn giao căn hộ từ Bên bán mà Bên mua

có nhu cầu thực hiện chuyển nhượng Hợp đồng này cho bên thứ ba thì các bên phải thực hiện đúng thủ tục chuyển nhượng Hợp đồng theo quy định của Pháp luật về kinh doanh bất động sản. Bên bán không được thu thêm bất kỳ một khoản phí chuyển nhượng hợp đồng nào trừ các khoản phí khi thực hiện thủ tục hành chính (nếu có) khi làm thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Hợp đồng cho Bên mua.

3. Hai bên thống nhất rằng, Bên mua chỉ được chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ cho bên thứ ba khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Căn hộ mua bán không đang trong tình trạng thế chấp tại tổ chức tín dụng hoặc không thuộc diện bị hạn chế chuyển nhượng theo quyết định của cơ quan nhà nước hoặc không có tranh chấp với bên thứ ba, trừ trường hợp được Ngân hàng thế chấp đồng ý để Bên mua chuyển nhượng Hợp đồng cho bên thứ ba;

b. Bên mua đã hoàn thành việc thanh toán các nghĩa vụ đến hạn liên quan đến căn hộ đã mua cho Bên bán theo thỏa thuận trong Hợp đồng này;

c. Bên nhận chuyển nhượng Hợp đồng phải đủ điều kiện được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật Việt Nam tại thời điểm nhận chuyển nhượng Hợp đồng;

d. Bên nhận chuyển nhượng Hợp đồng phải cam kết tuân thủ các thỏa thuận của Bên bán và Bên mua trong Hợp đồng này;

e. Bên mua và Bên nhận chuyển nhượng sẽ tự mình kê khai, thực hiện các thủ tục pháp lý, chi trả các nghĩa vụ tài chính, chịu các khoản thuế, phí, lệ phí và chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch của hai bên (nếu có).

4. Mọi khoản tiền mà Bên mua đã thanh toán cho Bên bán tính đến thời điểm chuyển nhượng sẽ không hoàn lại cho Bên mua mà sẽ được kết chuyển cho Bên nhận chuyển nhượng. Theo đó mọi quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên mua sẽ chuyển sang cho Bên nhận chuyển nhượng kể từ ngày Bên bán ký xác nhận vào văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ.

5. Bên bán không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ các khoản thuế, phí, lệ phí và các loại chi phí khác liên quan đến việc chuyển nhượng Hợp đồng giữa Bên mua và Bên nhận chuyển nhượng.

Điều 11. PHẦN SỞ HỮU RIÊNG, PHẦN SỞ HỮU CHUNG VÀ VIỆC SỬ DỤNG CĂN HỘ TRONG NHÀ CHUNG CƯ

1. Bên mua được quyền sở hữu riêng đối với diện tích căn hộ đã mua theo thỏa thuận của Hợp đồng này và các trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với căn hộ này theo Phụ Lục 2 (danh mục vật tư hoàn thiện bên ngoài và bên trong căn hộ); có quyền sử dụng đối với phần diện tích, thiết bị thuộc sở hữu chung trong nhà chung cư quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Các diện tích và trang thiết bị kỹ thuật thuộc quyền sở hữu riêng của Bên bán theo Khoản 6 Điều 2.

3. Các phần diện tích và thiết bị thuộc sở hữu chung và sử dụng chung cho các chủ sở hữu trong nhà chung cư bao gồm: không gian, sảnh đón khách tại tầng trệt khu căn hộ, sảnh thang máy, hành lang, lối đi chung, cầu thang, thang máy, khung cột, tường chịu lực, tường bao tòa nhà, tường phân chia các căn hộ, lối đi bộ, cứu hỏa, phòng sinh hoạt cộng đồng, các phòng kỹ thuật và thiết bị, hầm xe theo Khoản 4 Điều 2.

4. Hai bên nhất trí thỏa thuận mức phí quản lý vận hành nhà chung cư như sau:

a. Kể từ ngày bàn giao căn hộ từ Bên bán sang Bên mua theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng đến thời điểm Ban quản trị nhà chung cư được thành lập và ký hợp đồng quản lý, vận hành nhà ở với đơn vị quản lý vận hành, phí quản lý và vận hành nhà chung

cư dự kiến là: ...¹¹ đồng/m²/tháng . (mức phí này có thể được điều chỉnh sau năm đầu tiên nhưng phải tính toán hợp lý cho phù hợp với thực tế từng thời điểm theo quy định của pháp luật hiện hành)

b. Phí quản lý được sử dụng để thực hiện các công việc, dịch vụ quản lý vận hành Nhà chung cư bao gồm dịch vụ bảo vệ, vệ sinh môi trường, diệt côn trùng, làm vườn, chăm sóc cây xanh, vệ sinh khu vực sử dụng chung, quản lý khu vực để xe thuộc phần sở hữu chung trong nhà chung cư, vận hành, thang máy, thiết bị chữa cháy, máy phát điện, hệ thống an ninh, chi phí điện, nước cho hệ thống chiếu sáng công cộng và điều hoà của khu công cộng và chi phí khác cho mục đích duy trì tiện ích công cộng của phần sở hữu chung trong nhà chung cư.

c. Sau khi Ban Quản trị nhà chung cư được thành lập thì danh mục các công việc, dịch vụ, mức phí và việc đóng phí quản lý vận hành nhà chung cư sẽ do Hội nghị Nhà chung cư quyết định và do Ban quản trị nhà chung cư thỏa thuận với đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư;

d. Trường hợp Nhà nước có quy định về mức phí quản lý vận hành nhà chung cư thì mức phí này được đóng theo quy định của Nhà nước, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác; để tránh hiểu lầm, các thỏa thuận tại Khoản 4 Điều 11 này chính là các thỏa thuận khác đó;

e. Việc đậu xe đạp, xe gắn máy, xe ô tô và/hoặc xe có động cơ khác của các chủ sở hữu các căn hộ tại nhà chung cư sẽ theo các quyết định của Bên bán và được điều chỉnh vào từng thời điểm;

f. Mức phí quản lý sẽ được tính trên diện tích sử dụng căn hộ;

g. Mức phí quản lý không bao gồm phí và các khoản tiền phát sinh do Bên mua sử dụng các dịch vụ hoặc các hỗ trợ có liên quan tới phần sở hữu riêng của Bên bán và Bên mua sẽ trả phí và các khoản tiền này cho Bên bán theo các quyết định của Bên bán sẽ được đưa ra vào từng thời điểm;

h. Mức phí quản lý không bao gồm các khoản phí sử dụng các dịch vụ từ nhà cung cấp dịch vụ thứ ba như điện, nước, internet, truyền hình cáp, rác v.v... và Bên mua sẽ trả các khoản phí sử dụng này theo quy định của các nhà cung cấp dịch vụ đó;

i. Các mức phí quản lý và vận hành nhà chung cư, mức phí xe có thể được điều chỉnh theo quyết định của Bên bán nhưng phải tính toán hợp lý cho phù hợp với thực tế từng thời điểm. Nhằm đảm bảo các dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trong thời gian Ban quản trị nhà chung cư chưa được thành lập Bên mua có trách nhiệm đóng khoản phí hàng tháng cho Bên bán bắt đầu tại thời điểm bàn giao căn hộ theo thông báo;

j. Sau khi ban quản trị nhà chung cư được thành lập thì danh mục các công việc, dịch vụ, mức kinh phí và việc đóng phí quản lý vận hành nhà chung cư sẽ do Hội nghị nhà chung cư thỏa thuận với đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư.

Điều 12. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN VÀ VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Hai bên thống nhất hình thức xử lý vi phạm khi Bên mua chậm trễ thanh toán tiền mua căn hộ như sau:

a. Nếu quá 30 (ba mươi ngày) ngày, kể từ ngày đến hạn phải thanh toán tiền mua căn hộ của tất cả các đợt theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng này mà Bên mua không thực hiện thanh toán thì sẽ bị tính lãi suất phạt quá hạn trên tổng số tiền chậm thanh toán theo các đợt thanh toán tương ứng là: 0,05%/ngày (không phải không

¹¹ Các bên sẽ thỏa thuận và quy định rõ tại thời điểm ký kết hợp đồng.

năm phần trăm một ngày) và số ngày tính lãi suất phạt quá hạn được tính bắt đầu từ ngày đến hạn phải thanh toán đến ngày thực trả;

b. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu tổng thời gian Bên mua trễ hạn thanh toán của các đợt phải thanh toán theo thỏa thuận tại Khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng này vượt quá 60 (*sáu mươi ngày*) ngày thì Bên bán có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo thỏa thuận tại Điều 15 của Hợp đồng này. Trong trường hợp này, hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng sẽ như quy định tại Khoản 2 Điều 15.

2. Hai bên thống nhất hình thức xử lý vi phạm khi Bên bán chậm trễ bàn giao căn hộ cho Bên mua như sau:

a. Nếu Bên mua đã thanh toán tiền mua căn hộ theo tiến độ thỏa thuận trong Hợp đồng này hoặc đã khắc phục các vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nêu trên (nếu có) nhưng quá thời hạn 90 (*chín mươi ngày*) ngày, kể từ ngày Bên bán phải bàn giao căn hộ theo Điều 8 của Hợp đồng này, mà Bên bán vẫn chưa bàn giao căn hộ cho Bên mua thì Bên bán phải thanh toán cho Bên mua khoản tiền phạt vi phạm với lãi suất là: 0,05%/ngày (*không phải không năm phần trăm một ngày*) trên tổng số tiền mà Bên mua đã thanh toán cho Bên bán đến đợt thanh toán “Thông báo thanh toán nhận bàn giao căn hộ” và được tính từ ngày thứ 91 đến ngày Bên bán bàn giao căn hộ thực tế cho Bên mua;

b. Nếu Bên bán chậm bàn giao căn hộ quá 180 (*một trăm tám mươi*) ngày, kể từ ngày phải bàn giao căn hộ theo thỏa thuận tại Điều 8 của Hợp đồng này thì Bên mua có quyền tiếp tục thực hiện Hợp đồng này với thỏa thuận bổ sung về thời điểm bàn giao căn hộ mới hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điểm c Khoản 1 Điều 15 của Hợp đồng này. Trong trường hợp này, xử lý chấm dứt Hợp đồng sẽ như quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 15.

3. Trường hợp đến hạn bàn giao căn hộ theo thông báo của Bên bán và căn hộ đã đủ điều kiện bàn giao theo thỏa thuận trong Hợp đồng này mà Bên mua không nhận hoặc từ chối nhận bàn giao mà không có lý do chính đáng (*trừ trường hợp quy định tại điểm f khoản 1, điều 6 của hợp đồng này*) thì Bên bán có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và áp dụng các quy định như trường hợp khách hàng trả chậm ở Điểm b Khoản 1 Điều 15. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 15 của Hợp đồng để giải quyết.

Điều 13. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định trong Hợp đồng này:

1. Bên bán cam kết:

a. Căn hộ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên bán và không thuộc diện đã bán cho người khác, không thuộc diện bị cấm giao dịch theo quy định của Pháp luật;

b. Căn hộ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này được xây dựng theo đúng quy hoạch, đúng thiết kế và các bản vẽ được duyệt đã cung cấp cho Bên mua, bảo đảm chất lượng và đúng các vật liệu xây dựng như trong Hợp đồng này;

c. Các Bên đồng ý và thống nhất rằng Bên bán có thể tiến hành việc điều chỉnh, thay đổi nhỏ trong thiết kế, nội thất của căn hộ với điều kiện là các điều chỉnh, thay đổi đó không làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng, kết cấu của các hạng mục chính và việc điều chỉnh, thay đổi này là nhằm mục đích hoàn thiện căn hộ theo hướng tốt hơn trên cơ sở đảm bảo các quy định Pháp luật hiện hành.

2. Bên mua cam kết:

a. Đã tìm hiểu, xem xét kỹ thông tin về căn hộ;

b. Đã được Bên bán cung cấp bản sao các giấy tờ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến căn hộ, Bên mua đã đọc cẩn thận và hiểu các quy định của Hợp đồng này cũng như các phụ lục đính kèm. Bên mua đã tìm hiểu mọi vấn đề mà Bên mua cho là

cần thiết để kiểm tra mức độ chính xác của các giấy tờ, tài liệu và thông tin đó;

c. Số tiền mua căn hộ theo Hợp đồng này là hợp pháp, không có tranh chấp với bên thứ ba. Bên bán sẽ không chịu trách nhiệm đối với việc tranh chấp khoản tiền mà Bên mua đã thanh toán cho Bên bán theo Hợp đồng này. Trong trường hợp có tranh chấp về khoản tiền mua bán căn hộ này thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với hai bên;

d. Cung cấp các giấy tờ cần thiết khi Bên bán yêu cầu theo quy định của Pháp luật để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Bên mua;

e. Bên mua là đối tượng được mua và sở hữu căn hộ theo Pháp luật của Việt Nam.

3. Việc ký kết Hợp đồng này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối.

4. Trong trường hợp một hoặc nhiều điều, khoản, điểm trong Hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của Pháp luật thì các Điều, Khoản, Điểm khác của Hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai bên. Hai bên sẽ thống nhất sửa đổi các Điều, khoản, điểm bị vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định của Pháp luật và phù hợp với ý chí của hai bên.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định trong Hợp đồng này.

Điều 14. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

1. Các bên nhất trí thỏa thuận một trong các trường hợp sau đây được coi là sự kiện bất khả kháng:

- a. Do chiến tranh, do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách Pháp luật của Nhà nước;
- b. Do phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c. Do tai nạn, ốm đau thuộc diện phải đi cấp cứu tại cơ sở y tế;
- d. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

2. Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xuất hiện một trong các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều này thì bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại biết trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng (*nếu có giấy tờ chứng minh về lý do bất khả kháng thì bên bị tác động phải xuất trình giấy tờ này*). Việc bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng và cũng không phải là cơ sở để bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp đồng.

4. Việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của các bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng. Các bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 15 của Hợp đồng này.

Điều 15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản. Trong trường hợp này, hai bên lập văn bản thỏa thuận cụ thể các điều kiện và thời hạn chấm dứt Hợp đồng;

b. Bên mua chậm thanh toán tiền mua căn hộ theo thỏa thuận tại Điểm b Khoản 1 Điều 12 của Hợp đồng;

c. Bên bán chậm bàn giao căn hộ quá thời hạn thỏa thuận tại Điểm b Khoản 2 Điều 12 của Hợp đồng;

d. Trong trường hợp bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thể khắc

phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và hai bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này và việc chấm dứt Hợp đồng này không được coi là vi phạm Hợp đồng;

e. Bên mua vi phạm các nghĩa vụ khác của mình theo hợp đồng này và không khắc phục vi phạm đó trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày Bên bán gửi văn bản yêu cầu Bên mua khắc phục vi phạm đó thì Bên bán có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này và việc chấm dứt hợp đồng này không được coi là vi phạm hợp đồng;

f. Bên mua muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn (*không do lỗi của Bên bán*) thì phải gửi thông báo bằng văn bản trước 30 (*ba mươi*) ngày làm việc cho Bên bán. Bên bán có toàn quyền quyết định việc đồng ý chấm dứt trước thời hạn hợp đồng hay không trong khoảng 15 ngày (*mười lăm ngày*) làm việc tính từ ngày nhận được thông báo của Bên mua.

2. Xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp đồng:

a. Trong trường hợp Hợp đồng này được chấm dứt theo Điểm a Khoản 1 Điều 15 ở trên, hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng sẽ do các Bên thỏa thuận;

b. Trong trường hợp Hợp đồng này được chấm dứt theo Điểm b Khoản 1 Điều 15 ở trên, không ảnh hưởng đến các quyền và các biện pháp khắc phục khác mà Bên bán có thể có theo Hợp đồng này và theo Pháp luật:

- Bên bán được quyền bán căn hộ cho khách hàng khác mà không cần có sự đồng ý của Bên mua nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên mua biết ít nhất 30 ngày; và

- Bên bán sẽ hoàn trả lại số tiền mà Bên mua đã thanh toán (*không tính lãi*) sau khi khấu trừ tiền phạt vi phạm Hợp đồng tương đương với 15% (*mười lăm phần trăm*) Giá trị căn hộ (*chưa bao gồm thuế GTGT*) và Bên bán vẫn có quyền tính lãi trên tổng số tiền Bên mua chậm thanh toán với lãi suất bằng 0,05%/ngày (*không phải không năm phần trăm một ngày*) kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

c. Trong trường hợp Hợp đồng này được chấm dứt theo Điểm c Khoản 1 Điều 15 ở trên:

- Bên bán sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Bên mua đã thanh toán cho căn hộ (*không tính lãi*);

- Bên bán sẽ trả cho Bên mua tiền phạt vi phạm Hợp đồng tương đương với 15% (*mười lăm phần trăm*) Giá trị căn hộ (*chưa bao gồm thuế GTGT*) và Bên bán vẫn phải thanh toán cho Bên mua tiền lãi tính trên tổng số tiền mà Bên mua đã thanh toán với mức lãi suất bằng 0,05%/ngày (*không phải không năm phần trăm một ngày*) kể từ ngày đến hạn phải bàn giao căn hộ đến ngày Bên bán hoàn trả lại cho Bên mua số tiền mà Bên mua đã thanh toán; và

- Sau khi thanh toán các khoản trên cho Bên mua, Bên bán được quyền bán căn hộ cho khách hàng khác mà không cần có sự đồng ý của Bên mua.

d. Trong trường hợp Hợp đồng này được chấm dứt theo Điểm d Khoản 1 Điều 15 ở trên:

- Bên bán sẽ hoàn trả lại số tiền mà Bên mua đã thanh toán cho căn hộ (*không tính lãi*) theo phương thức do các Bên thỏa thuận; và

- Sau khi thanh toán các khoản trên cho Bên mua, Bên bán được quyền bán căn hộ cho khách hàng khác mà không cần có sự đồng ý của Bên mua.

e. Trong trường hợp Hợp đồng này được chấm dứt theo Điểm e, Điểm f Khoản 1 Điều 15 ở trên: Bên bán sẽ trả lại cho Bên mua số tiền Bên mua đã thanh toán sau khi đã trừ 15% (*mười lăm phần trăm*) Giá trị căn hộ (*chưa bao gồm thuế GTGT*). Việc trả

lại tiền chỉ được thực hiện sau khi Bên bán đã bán được căn hộ nêu trên cho bên thứ ba đủ điều kiện được mua và sở hữu căn hộ theo quy định của Pháp luật.

Điều 16. THÔNG BÁO

1. Để có hiệu lực, các thông báo và văn bản giao dịch giữa các bên phải lập thành văn bản bao gồm một trong các hình thức sau: gửi qua thư đảm bảo (*phải được giao nhận hợp lệ, người nhận là chủ hộ hoặc là người đại diện chủ hộ*) hoặc gửi bằng thư điện tử, email hoặc gửi qua tin nhắn SMS.

2. Được xem là giao nhận hợp lệ các thông báo và văn bản giao dịch là khi thỏa mãn một trong các hình thức sau:

a. Giao tận tay cho bên kia và có chữ ký xác nhận của chủ hộ, hoặc người thân chủ hộ, hoặc nhân viên bên kia;

b. Gửi qua bưu điện theo hình thức đảm bảo có hồi báo;

c. Gửi qua thư đảm bảo hoặc gửi bằng thư điện tử: phải gửi trong giờ hành chính và gửi đến trụ sở hoặc địa chỉ cư trú của bên nhận; bên gửi phải lưu lại thông báo, văn bản giao dịch đính kèm với các bằng chứng thông thường gửi qua thư đảm bảo hoặc gửi bằng thư điện tử xác định đã chuyển đến bên nhận hoặc văn bản phản hồi của bên nhận;

d. Gửi qua SMS theo đúng số điện thoại đăng ký theo Hợp đồng hoặc Phụ lục có sự xác nhận của hai bên.

3. Bên nhận thông báo là: ...

4. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến hợp đồng này phải được lập thành văn bản. Hai bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu gửi đến đúng địa chỉ, đúng tên người nhận thông báo, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này và trong thời gian như sau:

a. Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo;

b. Vào ngày bên gửi nhận được thông báo chuyển Fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng Fax;

c. Vào ngày thứ 3, kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh;

5. Các bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về (*địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo do các bên thỏa thuận ...*) mà bên có thay đổi không thông báo lại cho bên kia biết thì bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

Điều 17. CÁC THỎA THUẬN KHÁC

1. Ngoài các thỏa thuận đã nêu tại các điều, khoản, điểm trong hợp đồng này thì hai bên có thể thỏa thuận thêm các nội dung khác, nhưng các nội dung do hai bên tự thỏa thuận thêm tại điều này cũng như tại các điều, khoản, điểm khác trong toàn bộ hợp đồng này phải không trái với các nội dung đã được quy định tại hợp đồng này và phải phù hợp với quy định của Pháp luật và không được trái đạo đức xã hội.

2. Trong trường hợp Bên Mua gồm nhiều hơn một người, Bên Mua công nhận và cam kết rằng: (i) tất cả các điều chỉnh của Bên Mua trong Hợp Đồng này sẽ là các điều chỉnh đến mỗi người trong Bên Mua, (ii) và tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên Mua theo Hợp Đồng này là các nghĩa vụ và trách nhiệm riêng rẽ và liên đới, và (iii) Bên Bán sẽ không có nghĩa vụ xác định các nghĩa vụ cá nhân của Bên Mua hoặc mỗi người trong Bên Mua đối với Bên Bán nhưng Bên Bán có quyền yêu cầu một người của Bên Mua thực hiện các nghĩa vụ của họ theo Hợp Đồng này một cách liên đới

và/hoặc riêng rẽ. Để thuận tiện, (i) tất cả những người của Bên Mua sẽ ủy quyền cho người có tên **đầu tiên** trong phần giới thiệu Bên Mua trên đây làm người đại diện của tất cả những người của Bên Mua để liên lạc với Bên Bán đối với hoặc liên quan đến Căn Hộ ("**Người Đại Diện**") và (ii) tất cả các hành động do Người Đại Diện thực hiện sẽ ràng buộc tất cả những người của Bên Mua, và (iii) Bên Bán sẽ không buộc phải có bất kỳ sự đồng ý chung hoặc riêng rẽ của từng người trong số những người thuộc Bên Mua. Tuy nhiên, cho dù có sự ủy quyền nêu trên, tất cả các tài liệu cần phải có chữ ký của tất cả những người thuộc Bên Mua thì họ phải ký các tài liệu đó.

3. Bên Mua công nhận rằng, sau khi Bên Bán đã nộp đầy đủ bộ hồ sơ hợp lệ, việc cấp Giấy Chứng Nhận cho Bên Mua và thời gian cấp sẽ thuộc quyền quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên Bán không phải chịu trách nhiệm nếu việc cấp Giấy Chứng Nhận cho Bên Mua bị chậm trễ hoặc bị từ chối không phải do lỗi của Bên Bán; Tuy nhiên, Bên Bán sẽ nỗ lực cao nhất để hỗ trợ thực hiện đầy đủ việc cấp Giấy Chứng Nhận cho Bên Mua.

4. Khi Bên Bán thông báo Giấy Chứng Nhận cho Bên Mua đã được cấp, Bên Mua có trách nhiệm thanh toán cho Bên Bán đợt cuối theo quy định tại Phụ Lục 1: Hợp Đồng này trước khi nhận bàn giao Giấy Chứng Nhận cho Căn Hộ. Trường hợp Bên Mua không thực hiện thanh toán trong vòng 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày Bên Bán thông báo, Bên Mua sẽ bị tính lãi suất phạt quá hạn trên tổng số tiền chậm thanh toán theo thông báo của Bên Bán là 0,05% (không phẩy không năm) mỗi ngày, được tính từ thời hạn phải thanh toán số tiền đó cho đến ngày Bên Bán nhận đủ số tiền đó.

Điều 18. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Hợp đồng này được diễn giải và điều chỉnh bởi Pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng phải ưu tiên giải quyết thông qua việc thương lượng hòa giải trên tinh thần hợp tác các bên cùng có lợi. Nếu thương lượng hòa giải không thành thì vụ việc tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 19. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng này có 19 Điều, được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên mua giữ 01 (một) bản, Bên bán giữ 03 (ba) bản để lưu trữ, làm thủ tục nộp thuế, lệ phí và thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Bên mua.

3. Kèm theo hợp đồng này là 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng căn hộ mua bán, 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng tầng có căn hộ mua bán, 01 bản danh mục vật liệu xây dựng căn hộ, 01 phụ lục tiến độ thanh toán.

Các phụ lục đính kèm Hợp đồng này và các sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của hai bên là nội dung không tách rời Hợp đồng này và có hiệu lực thi hành đối với hai bên.

4. Trong trường hợp các bên thỏa thuận thay đổi nội dung của Hợp đồng này thì phải lập văn bản có chữ ký của cả hai bên./.

BÊN MUA

(ký và ghi rõ họ tên)

BÊN BÁN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng mộc)



PHỤ LỤC 01

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN¹²

(Đính kèm theo Hợp đồng mua bán số)

Đợt	Tiến độ thanh toán	Tỷ lệ thanh toán	Diễn giải
1	Ký Hợp đồng mua bán	... ¹³ %	...
2	...tháng sau khi ký HĐMB	...%	...
3	...tháng sau khi ký HĐMB	...%	...
4	...tháng sau khi ký HĐMB	...%	...
... ¹⁴	...	...%	...
... ¹⁵	Thông báo thanh toán bàn giao căn hộ (<i>dự kiến Quý ...</i>)	...%	...
...	Thông báo thanh toán bàn giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ (<i>GCNQSDĐ, QSH TSGLVD</i>)	...%	...
TỔNG CỘNG		...%	...

¹² Thông tin chi tiết được cập nhật cụ thể tại thời điểm các bên ký kết Hợp đồng này.

¹³ Đợt 1 thanh toán được các bên thỏa thuận cụ thể tại thời điểm ký hợp đồng nhưng không quá 30% giá trị căn hộ.

¹⁴ Số đợt cụ thể được các bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng nhưng tổng số tiền thu tại mục A không quá 70% giá trị căn hộ.

¹⁵ Số đợt cụ thể được các bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng nhưng tổng số tiền thu đến trước thời điểm căn hộ được cấp Giấy chứng nhận là không quá 95% giá trị căn hộ.

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC VẬT LIỆU VÀ TRANG THIẾT BỊ HOÀN THIỆN TRONG VÀ BÊN NGOÀI CĂN HỘ¹⁶

(Đính kèm theo Hợp đồng mua bán số)

A	DANH MỤC VẬT TƯ HOÀN THIỆN BÊN NGOÀI CĂN HỘ		
STT	HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THƯƠNG HIỆU
KHÔNG GIAN CHUNG: SÂN CHÍNH – HÀNH LANG			
1	Sàn	...	...
2	Tường	...	...
3	Trần	...	...
4	Cửa sảnh chính	...	...
5	Cửa sổ	...	...
6	Cửa phòng kỹ thuật	...	...
7	Thiết bị điện	...	...
...	...	...	...
BUỒNG THANG THOÁT HIỂM			
1	Bậc thang, chiếu nghỉ, trần	...	...
2	Tường	...	...
3	Cửa thoát hiểm	...	...
4	Lan can	...	...
...	...	...	...
PHÒNG RÁC			
1	Sàn	...	...
2	Tường	...	...
3	Cửa phòng rác	...	...
4	Khác	...	...
...	...	...	...

¹⁶ Thông tin chi tiết được cập nhật cụ thể tại thời điểm các bên ký kết Hợp đồng này. Trường hợp thay đổi (bao gồm cả nguyên vật liệu tương đương) thì cần có sự thỏa thuận bằng văn bản với Bên Mua

THIẾT BỊ CHÍNH			
1	Thang máy	...	...
2	Thiết bị tủ điện chính	...	...
3	Máy phát điện	...	...
4	Trạm điện	...	...
5	Hệ thống an ninh	...	...
...	...	...	...
THÔNG GIÓ, BÁO CHÁY VÀ CHỮA CHÁY			
1	Hệ thống thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức	...	...
2	Hệ thống báo cháy và chữa cháy	...	...
...	...	...	...
B DANH MỤC VẬT TƯ HOÀN THIỆN BÊN TRONG CĂN HỘ			
STT	HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THƯƠNG HIỆU
PHÒNG KHÁCH			
1	Sàn	...	...
2	Tường	...	...
3	Trần	...	...
4	Cửa chính căn hộ	...	...
5	Cửa ra lô gia	...	...
6	Thiết bị điện	...	...
7	Hệ thống điều hòa	...	...
8	Thông tin liên lạc	...	...
...	...	...	...
PHÒNG NGỦ			
1	Sàn	...	...
2	Tường	...	...
3	Trần	...	...
4	Cửa đi	...	...
5	Cửa sổ	...	...
6	Thiết bị điện	...	...
7	Hệ thống điều hòa	...	...

...	...	...	...
PHÒNG VỆ SINH			
1	Sàn	...	...
2	Tường	...	...
3	Trần	...	...
4	Cửa đi	...	...
5	Cửa sổ (nếu có)	...	...
6	Thiết bị điện	...	...
7	Thiết bị vệ sinh	...	...
8	Cấp thoát nước	...	...
...	...	...	...
KHU VỰC BẾP			
1	Sàn	...	...
2	Tường	...	...
3	Trần	...	...
4	Thiết bị điện	...	...
5	Hệ thống tủ bếp	...	...
6	Cấp thoát nước	...	...
...	...	...	...
LÔ GIA (SÂN PHƠI)			
1	Sàn	...	...
2	Tường	...	...
3	Trần	...	...
4	Louver (Thông gió)	...	...
5	Thiết bị điện	...	...
6	Lan can	...	...
7	Khác	...	...
...	...	...	...
Ghi chú: - Các thương hiệu của trang thiết bị nêu trên có thể được thay thế bởi các thương hiệu khác, với chất lượng tương đương hoặc tốt hơn. - Trường hợp có sự thay đổi (bao gồm cả nguyên vật liệu tương đương thì cần có sự thỏa thuận bằng văn bản với bên mua			

NỘI QUY TÒA NHÀ

Điều 1. Quy định đối với chủ sở hữu, người sử dụng, người tạm trú và khách ra vào chung nhà cư

- 1.1. Chủ sở hữu nhà chung cư phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành và Bảng nội quy này.
- 1.2. Khách ra vào nhà chung cư phải đăng ký, xuất trình giấy tờ chứng minh nhân thân tại quầy lễ tân (nếu có) hoặc tại tổ bảo vệ và phải tuân thủ sự hướng dẫn của lễ tân hoặc bảo vệ nhà chung cư. Trường hợp khách ở lại (lưu trú) qua đêm sau 22h00 tại Căn hộ, Chủ sở hữu hoặc người sử dụng Căn hộ phải đăng ký với lễ tân (nếu có) hoặc bảo vệ. Trong trường hợp cần thiết, lễ tân hoặc bảo vệ nhà chung cư được giữ các giấy tờ chứng minh nhân thân của khách ra vào nhà chung cư để phục vụ cho việc kiểm soát an ninh, an toàn của chung cư. Đối với khu vực dành cho văn phòng, dịch vụ, thương mại thì không cần phải đăng ký, xuất trình giấy tờ chứng minh nhân thân này.
- 1.3. Người đến tạm trú tại căn hộ phải đăng ký danh sách người tạm trú với quầy lễ tân (nếu có), Ban QLTN hoặc tại tổ bảo vệ; đăng ký tạm trú tại cơ quan công an cấp phường.
- 1.4. Người sử dụng căn hộ, người tạm trú phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư và bản nội quy này.
- 1.5. Các đơn vị cung cấp dịch vụ (khách) khi ra vào nhà chung cư phải xuất trình giấy tờ tùy thân và đăng ký với lễ tân (nếu có) hoặc bảo vệ. Lễ tân/ bảo vệ chủ động xác nhận với Chủ sở hữu/ người thuê căn hộ.
- 1.6. Công nhân/ nhà thầu thi công căn hộ: Chủ sở hữu/ đại diện Chủ sở hữu đăng ký thông tin công nhân/ nhà thầu với Ban Quản lý theo Nội quy thi công.

Điều 2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc sử dụng nhà chung cư

- 2.1. Gây mất đoàn kết an ninh, trật tự, nói tục, chửi bậy, sử dụng truyền thanh, truyền hình hoặc các thiết bị phát ra âm thanh gây ồn ào làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư.
- 2.2. Phóng uế, xả rác hoặc các loại chất thải, chất độc hại không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường nhà chung cư. Nếu vi phạm ... đồng (... đồng)/ lần. Buộc phải vệ sinh sạch sẽ khu vực công cộng.
- 2.3. Cầm vút/ quăng/ thả, làm rơi hoặc ném bất cứ vật thể từ ban công, cửa sổ của căn hộ xuống dưới (nhất là làm rơi tàn thuốc lá xuống căn phía dưới).
- 2.4. Chăn, thả, nuôi gia súc, gia cầm trong nhà chung cư (chó, mèo, gà, vịt, các loại chim...). Nếu vi phạm:
 - Lần 1 - Nhắc nhở, yêu cầu đưa ra khỏi chung cư.
 - Lần 2 - Phạt ... đồng (... đồng)/ lần, và buộc đưa ra khỏi chung cư.
 - Lần 3 - Phạt ... đồng (... đồng)/ lần, và lực lượng Bảo vệ tòa nhà cưỡng chế mang ra khỏi chung cư.
- 2.5. Đốt vàng mã, đốt lửa trong nhà chung cư, trừ điểm đốt vàng mã theo quy định nhà chung cư. Nếu vi phạm: ... đồng (... đồng)/ lần;

- 2.6. Phơi đồ quần áo và bất cứ vật dụng nào trên lan can hoặc tại phần không gian từ lan can trở lên hoặc vắt ngang cửa sổ căn hộ. Nếu vi phạm: ... đồng (... đồng)/ lần;
- 2.7. Đánh bạc, hoạt động mại dâm, tham gia các tệ nạn xã hội, giải trí không lành mạnh, gây rối trật tự công cộng trong nhà chung cư.
- 2.8. Kinh doanh các ngành nghề có liên quan đến vật liệu nổ, dễ cháy, gây nguy hiểm cho tính mạng, tài sản của người sử dụng nhà chung cư.
- 2.9. Kinh doanh các dịch vụ gây tiếng ồn, ô nhiễm môi trường (nhà hàng karaoke, vũ trường, sửa chữa xe máy, ô tô; giết mổ gia súc, gia cầm và các hoạt động dịch vụ gây ô nhiễm khác)
- 2.10. Mua, bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy tại căn hộ và các khu vực khác trong nhà chung cư.
- 2.11. Lắp đặt biển tên, biển báo, biển quảng cáo, áp phích trái quy định hoặc quảng cáo, viết, vẽ dưới mọi hình thức lên các khu vực chung hoặc bên ngoài căn hộ hoặc có những hành vi khác mà pháp luật không cho phép. Nếu vi phạm: ... đồng (... đồng)/ lần cộng với chi phí khắc phục lại.
- 2.12. Thay đổi cửa chính, cửa sổ, ban công, lô gia; thay đổi vật liệu, màu sắc, trang trí mặt ngoài căn hộ, nhà chung cư không đúng quy định về thiết kế, kiến trúc. Không được lắp hàng rào sắt hay khung bảo vệ bằng sắt cho ban công/ lô gia. Nếu vi phạm: ... đồng (... đồng)/ lần cộng với chi phí khắc phục lại.
- 2.13. Tự ý chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng phần diện tích, các thiết bị thuộc sở hữu chung, sử dụng chung của nhà chung cư. Khoan trần, tường, nền... mà không có sự cho phép của BQLTN: ... đồng (... đồng)/ lần cộng với chi phí khắc phục lại.
- 2.14. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quy định về việc sử dụng phần sở hữu chung của nhà chung cư

Chủ sở hữu, người sử dụng và khách ra, vào nhà chung cư phải tuân thủ các quy định sau đây:

- 3.1. Sử dụng thang máy và các thiết bị sử dụng chung theo đúng mục đích, công năng thiết bị sử dụng. Trẻ em dưới 12 tuổi khi sử dụng thang máy hoặc công trình phục vụ chung phải có cha, mẹ hoặc người trông coi đi kèm và giám sát.
- 3.2. Không được làm hư hỏng hoặc có hành vi vi phạm đến tài sản chung của nhà chung cư.
- 3.3. Không được chiếm dụng, sử dụng phần diện tích thuộc sở hữu chung, sử dụng chung vào mục đích riêng; không được để các vật dụng thuộc sở hữu riêng tại phần sở hữu chung, (không sử dụng hành lang chung để giày dép, kệ giày dép, xe đạp trẻ em hay các vật dụng chiếm dụng hành lang khác...).
- Lần 1 - Nhắc nhở.
- Lần 2 - Phạt ... đồng (... đồng)/ lần
- 3.4. Tuân thủ đầy đủ các quy định về việc dừng, đỗ xe tại nơi được dừng, đỗ xe theo quy định, trường hợp đỗ xe không đúng nơi quy định, bảo vệ sẽ di dời xe đến nơi bảo vệ thấy phù hợp (Đối với xe).
- Đậu xe máy không đúng vị trí quy định: Vi phạm lần 3 - phạt ... đồng (... đồng).
- Đỗ xe Ô tô không đúng vị trí quy định: Vi phạm lần 2 - phạt ... đồng (... đồng); Vi phạm lần 3 - hủy đăng ký đậu xe Ô tô tại hầm giữ xe.
- 3.5. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy nhà chung cư:
- Không sử dụng bếp gas, bình gas trong chung cư; Nếu vi phạm, phạt ... đồng (... đồng)/ lần, cộng thêm chi phí di dời của BQLTN.

- Không được chen cửa thoát hiểm. Cửa thoát hiểm được mở hai chiều. Nếu vi phạm lần 1 sẽ nhắc nhở; Vi phạm lần 2 phạt ... đồng (... đồng)/ lần; Vi phạm lần 3 phạt ... đồng (... đồng)/ lần.
 - Nấu ăn, thi công gây báo cháy trong căn hộ: Nếu vi phạm lần 1 sẽ nhắc nhở; Vi phạm lần 2 lập Biên bản nhắc nhở và cam kết không vi phạm; Vi phạm lần 3 phạt ... đồng (Năm trăm nghìn đồng)/ lần; Vi phạm từ lần 4 trở đi phạt ... đồng (Một triệu đồng)/ lần.
 - Kích hoạt chuông báo cháy (khi không có tình huống cháy): ... đồng (... đồng)/ lần.
 - Các nội dung khác gây ảnh hưởng đến hệ thống PCCC của tòa nhà sẽ phạt nặng (mức phạt tối thiểu ... đồng (... đồng)/ lần) và công khai danh tính trên các Nhóm cư dân. Đồng thời cư dân phải chịu trách nhiệm về các khoản Phạt nếu bị Cơ quan Nhà nước phát hiện và xử lý.
- 3.6. Không được chơi các trò chơi như bóng đá, ván trượt, patanh,... tại khu vực sảnh, hành lang khu căn hộ.
- 3.7. Không được sử dụng ổ cắm điện, sử dụng nước tại các khu vực sở hữu chung phục vụ cho sinh hoạt cá nhân và gia đình nếu chưa được sự chấp thuận của Ban Quản lý. Nếu vi phạm: ... đồng (... đồng)/ lần.
- 3.8. Sân thượng chỉ phục vụ sinh hoạt chung khi có sự kiện văn hóa và phục vụ phòng cháy chữa cháy. Cư dân và khách vắng lai chịu hoàn toàn về an toàn sức khỏe, tính mạng, tài sản khi sử dụng sân thượng.
- 3.9. Thang máy là tài sản chung của chung cư. Việc làm bẩn, xước thang máy, hoặc di chuyển vào thang máy với quần áo còn ướt sau khi sử dụng hồ bơi sẽ không được chấp thuận.

Điều 4. Quy định về việc sửa chữa các hư hỏng, thay đổi lắp đặt thêm trong căn hộ, phần diện tích khác thuộc sở hữu riêng

- 4.1. Trường hợp căn hộ hoặc phần diện tích khác thuộc sở hữu riêng có hư hỏng thì chủ sở hữu hoặc người sử dụng phải được quyền sửa chữa, thay thế nhưng không được làm hư hỏng phần sở hữu chung và ảnh hưởng đến các chủ sở hữu khác.
- 4.2. Trường hợp thay thế, sửa chữa hoặc lắp đặt thiết bị thêm thì phải đảm bảo không làm thay đổi, biến dạng hoặc làm hư hỏng kết cấu của nhà chung cư.
- 4.3. Trường hợp có hư hỏng các thiết bị thuộc phần sở hữu chung, sử dụng chung gắn liền với căn hộ, phần diện tích khác thuộc sở hữu riêng thì việc thay thế, sửa chữa phải được thực hiện theo quy định của quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành nhưng không được làm ảnh hưởng đến phần sở hữu riêng của chủ sở hữu khác. Chủ sở hữu phải thông báo cho Ban Quản lý nhà chung cư để kịp thời sửa chữa các hư hỏng này.
- 4.4. Trường hợp vận chuyển các thiết bị, đồ dùng trong nhà chung cư hoặc vận chuyển vật liệu khi sửa chữa các hư hỏng thì phải thông báo cho Ban Quản lý nhà chung cư và chỉ được thực hiện trong thời gian từ 8 giờ sáng tới 17 giờ 00 hàng ngày để tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động của nhà chung cư (Chiều thứ bảy và ngày chủ nhật không thi công).

Điều 5. Quy định về việc xử lý khi sự cố của nhà chung cư

- 5.1. Khi gặp sự cố có thể gây nguy hiểm đến tính mạng và an toàn tài sản trong nhà chung cư thì chủ sở hữu, người sử dụng phải thông báo ngay cho Ban Quản lý nhà chung cư để xử lý.

- 5.2. Trường hợp gặp sự cố khẩn cấp, cần thiết phải sơ tán người ra khỏi nhà chung cư thì phải thực hiện theo hướng dẫn trên loa phát thanh hoặc biển chỉ dẫn thoát hiểm hoặc hướng dẫn của bảo vệ, đơn vị có thẩm quyền để di chuyển người đến nơi an toàn.

Điều 6. Quy định về việc công khai thông tin của nhà chung cư

- 6.1. Ban Quản lý nhà chung cư phải thông báo công khai các thông tin có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà chung cư trên bản tin hoặc bảng thông báo hoặc phương tiện thông tin khác của nhà chung cư.
- 6.2. Các nội quy về phòng cháy, chữa cháy phải được gắn đúng nơi quy định; nội quy sử dụng thang máy phải được gắn bên cạnh thiết bị này để đảm bảo việc sử dụng được an toàn, thuận tiện.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư

- 7.1. Yêu cầu Ban Quản trị và Ban Quản lý nhà chung cư cung cấp thông tin, các nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư.
- 7.2. Chủ sở hữu nhà chung cư có trách nhiệm mua bảo hiểm cháy nổ theo quy định của pháp luật.
- 7.3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của bản nội quy này và quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành.
- 7.4. Đóng đầy đủ, đúng thời hạn kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư các chi phí khác theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận với các nhà cung cấp dịch vụ.
- 7.5. Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc cho phần sở hữu riêng, thực hiện đúng các quy định về phòng chống cháy, nổ, vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự; phát hiện và thông báo kịp thời về các hành vi vi phạm trong chung cư.
- 7.6. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho đơn vị có chức năng thực hiện bảo trì phần sở hữu chung theo quy định.
- 7.7. Khôi phục lại hiện trạng hoặc bồi thường thiệt hại nếu gây hư hỏng phần diện tích, thiết bị thuộc sở hữu chung hoặc phần diện tích, thiết bị thuộc sở hữu riêng của Chủ sở hữu khác.
- 7.8. Thực hiện việc đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định của pháp luật.
- 7.9. Chủ sở hữu có trách nhiệm đăng ký với Ban Quản lý, cung cấp thông tin các thành viên trong căn hộ để được lưu hồ sơ và cấp thẻ an ninh; cập nhật cho Ban Quản lý khi có sự thay đổi (tăng/ giảm) số lượng thành viên cư trú trong căn hộ.
- 7.10. Các căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú AirBnB có trách nhiệm cung cấp cho Ban Quản lý bản sao giấy đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú và tuân thủ các quy định của pháp luật về nhà ở và lưu trú.
- 7.11. Không thực hiện việc sao chép hoặc sử dụng các thẻ không do Ban Quản lý cấp (thẻ xe, thẻ an ninh và thẻ sử dụng các tiện ích trong nhà chung cư).
- 7.12. Thông báo các quy định – nội quy của nhà chung cư cho người được ủy quyền hợp pháp sử dụng căn hộ, người mua lại, thuê lại và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng căn hộ của mình.

Điều 8. Xử lý các hành vi vi phạm

- 8.1. Chủ sở hữu, người sử dụng, người tạm trú và khách ra vào nhà chung cư nếu có hành vi vi phạm các quy định của bản nội quy này hoặc vi phạm quy định của quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 8.2. Chủ sở hữu, người sử dụng phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử lý vi phạm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- 8.3. Khi phát hiện các hành vi vi phạm tại các điều trên, hoặc gây ra hư hỏng đối với tài sản chung của chung cư, BQL chung cư sẽ tiến hành lập biên bản, nhắc nhở và sẽ tiến hành chế tài phạt theo các quy định của Ban QLTN đã đề ra, đồng thời yêu cầu khắc phục hoàn trả hiện trạng trước khi vi phạm. Nếu người vi phạm tái phạm nhiều lần hoặc không khắc phục, BQL có quyền đơn phương chấm dứt việc cung cấp dịch vụ cho cư dân hoặc chủ căn hộ vi phạm cho đến khi vi phạm được khắc phục và sửa chữa.
- 8.4. Trường hợp người vi phạm không nộp chi phí xử lý, khắc phục hậu quả trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản xử lý vi phạm, Ban Quản lý sẽ tạm ngưng cung cấp dịch vụ, tiện ích đối với Chủ sở hữu, người sử dụng vi phạm sau khi đã thông báo trước 24 giờ cho người vi phạm biết. Các dịch vụ bao gồm nước sinh hoạt, thẻ an ninh, thẻ gửi xe và sử dụng các tiện ích. Các dịch vụ bị tạm ngưng sẽ được mở lại sau khi người vi phạm đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình. Ban Quản lý sẽ thu phí kích hoạt lại dịch vụ với mức 50.000 đồng/ lần để hỗ trợ chi phí nhân sự thực hiện.

NỘI QUY BÃI XE

Điều 1. Tất cả phương tiện phải dừng, đỗ đúng theo ô vạch, quét thẻ tại cổng an ninh đúng theo quy định của BQL tòa nhà.

Điều 2. Các phương tiện để xe trong hầm phải đậu gọn gàng, và tắt máy xe.

Lưu ý: Không khóa cổ xe, khóa càng xe máy, xe đạp, xe đạp điện.

Điều 3. Phải giảm tốc độ - tốc độ lái xe hạn chế được quy định trong tòa nhà là 5km/h, quan sát các biển báo và các mũi tên hướng dẫn khi điều khiển xe vào bãi đậu xe, đặc biệt là chú ý đến người đi bộ trong khu vực tầng hầm.

Điều 4. Đối với khách vắng lai phải tuân thủ theo sắp xếp của nhân viên an ninh tòa nhà, phải quan sát kỹ tuân thủ theo biển báo, vạch hướng dẫn, tốc độ khi lưu thông trong khu vực bãi xe.

Điều 5. Quý cư dân, quý khách phải tự chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hành vi sơ suất va quệt vào các thiết bị của tòa nhà cũng như các phương tiện khác.

Điều 6. Nghiêm cấm để các thiết bị, vật dụng dễ gây cháy nổ như xăng dầu, gas, chất nổ trong khu vực hầm xe.

Điều 7. Tất cả phương tiện dừng, đỗ tại hầm xe quá 60 ngày nhưng bộ phận an ninh không kiểm tra được thông tin sẽ được chuyển giao cho Công an phường giải quyết.

Điều 8. Nghiêm cấm các hành vi không đảm bảo an toàn PCCC tại khu vực hầm xe (hút thuốc lá, đậu xe chắn lối các tủ thiết bị PCCC,...).

Điều 9. Không được bấm còi liên tục trong hầm xe.

Điều 10. Không xả rác hoặc có hành vi gây mất trật tự trong khu vực hầm xe.

Điều 11. Không để vật dụng, đồ đạc chiếm dụng diện tích bãi xe.

Điều 12. Không được sửa chữa, rửa xe trong khu vực hầm khi chưa có sự đồng ý của Bộ phận an ninh tòa nhà.

Điều 13. Quý cư dân, quý khách tự bảo quản tư trang, không để các đồ vật có giá trị trên hoặc trong xe/ cốp xe. Bộ phận an ninh không chịu trách nhiệm cho các tài sản cá nhân và mũ bảo hiểm để lại trên xe, cốp xe.

Điều 14. Tất cả cư dân/ khách hàng/ nhân viên đậu xe tại bãi đậu xe phải có thẻ giữ xe, đậu xe do Đơn vị quản lý bãi xe cấp. Khi chủ phương tiện làm mất thẻ giữ xe phải báo ngay bảo vệ để làm biên bản mất thẻ xe và báo cho Văn phòng Ban Quản lý đồng thời làm các thủ tục cần thiết để được cấp lại thẻ đậu xe mới (có phí) nhanh chóng để phòng ngừa rủi ro mất xe có thể xảy ra.

Điều 15. Đối với xe của quý khách sẽ tự lấy, nếu cho mượn thì chủ xe phải trực tiếp lấy xe trao cho người mượn.

Điều 16. Trong trường hợp quên thẻ hay trễ phí, Quý cư dân buộc phải sử dụng thẻ vắng lai.

Điều 17. Tất cả mọi người phải chấp hành theo nội quy này khi vào hầm giữ xe.

Điều 18. Ban Quản lý tòa nhà có quyền bổ sung, chỉnh sửa hoặc hủy bỏ những nội quy và quy định của bãi xe khi cần thiết và sẽ có thông báo đến Quý cư dân.

Điều 19. Phí giữ xe:

- Tất cả mọi phương tiện vào dưới 15 phút không tính phí.
- Tuân thủ theo mức phí đã được quy định theo hợp đồng mua bán giữa CĐT và Khách hàng:

PHƯƠNG TIỆN	VẮNG LẠI		THÁNG (VNĐ)	
	8 TIẾNG ĐẦU TIÊN (VNĐ)	8 TIẾNG TIẾP THEO (VNĐ)		
Xe đạp	...	...	...	
Xe điện	...	...	...	
Xe máy	...	...	...	Đối với 2 xe đầu tiên
			...	Xe thứ 3 trở lên mỗi chiếc cộng ... đồng – Trường hợp bãi xe còn chỗ
Xe ô tô	...	...	...	Đối với 1 xe đầu tiên
			...	Xe thứ 2 trở lên – Trường hợp bãi xe còn chỗ

MỌI CHI TIẾT QUÝ CƯ DÂN/QUÝ KHÁCH VUI LÒNG LIÊN HỆ
SỐ HOTLINE BAN QLTN:

CHỦ CĂN HỘ

BAN QUẢN LÝ TÒA NHÀ

